TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án sô: 24/2018/DS- PT
Ngày: 19/4/2018
V/v: *tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng
Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương
Hoàng Lan Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2015/TLPT-DS ngày 01/12/2015 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 23/10/2015 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2015/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2015, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị A - Sinh năm 1984
Cư trú tại: thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị B - Sinh năm 1970.
Nguyên quán: xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hoá
Hiện làm việc tại: Trường tiểu học xã E, huyện C, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Trọng M-Luật sư, Văn phòng Luật sư số 36, Đoàn Luật sư Thành phố N; địa chỉ: P526-CT8B, chung cư Đại Thanh, đường Phan Trọng Tuệ, P, Q. Có mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Ngô Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị A trình bày*:

Do có quan hệ quen biết, nên ngày 19/8/2008 chị Ngô Thị B có đến gia đình chị vay số tiền 80.000.000đ, chị B có viết giấy vay tiền và ký tên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và có thỏa thuận thời gian vay là 01 tháng, đến hạn chị B không trả được nợ cho chị như đã thỏa thuận. Chị đến hỏi nhiều lần nhưng chị B cố tình khất lần, dây dưa không chịu trả nợ. Vì vậy, chị khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu giải quyết buộc chị Ngô Thị B phải thanh toán số tiền nợ gốc là 80.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

** Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Ngô Thị B trình bày*: Do có mối quan hệ thân quen với gia đình chị Hoàng Thị A nên vào khoảng tháng 5/2008 chị có vay tiền lãi ngày của chị Hoàng Thị A và chị H nhiều lần nhưng không viết giấy vay nợ mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với lãi suất 6%/tháng (tức 2.000đ/triệu/ngày) và cứ thế chị A, chị H cộng lãi vào nợ gốc. Đến ngày 19/8/2008, do không còn tin tưởng nhau nữa nên chị A và chị H cộng tất cả các khoản nợ gốc và lãi lại rồi bắt chị viết giấy vay nợ với tổng số tiền là 80.000.000đ. Chị A và chị H tiếp tục tính lãi suất 6%/tháng đối với số tiền trên. Đến ngày 30/01/2010, gia đình chị A có đến trường học chị đang dạy (Trường tiểu học D II) và ép chị viết giấy vay nợ 105.000.000đ. Kể từ đó gia đình chị A liên tục vào trường học chửi bới và bắt chị phải trả nợ, cho nên chị phải báo cáo chính quyền địa phương xã D can thiệp, giải quyết. Ngày 05/12/2012, Uỷ ban nhân dân xã D đã mời gia đình chị A gồm chị A, chị H và bà T1 cùng chị ra giải quyết công nợ. Các bên đã thống nhất số tiền chị nợ cả ba mẹ con chị A là 135.000.000đ. Chị đã trả được cho chị H 20.000.000đ ngày 05/12/2012. Số tiền còn lại chị có trách nhiệm trả mỗi tháng 3.000.000đ cho đến tháng 8/2015, chị đã trả nợ gần hết. Vì vậy chị không đồng ý trả cho chị A số tiền vay vào ngày 19/8/2008 là 80.000.000đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 23/10/2015 của Toà án nhân dân huyện C áp dụng: Các Điều 290, 305, 471, 474 Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điểm a Khoản 1 Điều 33; Khoản 3 Điều 128; Khoản 1 Điều 131; Điều 243, 245 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điểm b Khoản 1 Điều 24; Khoản 2 Điều 27; Điểm b Mục 2 Danh mục về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị A: Buộc chị Ngô Thị B phải thanh toán cho chị Hoàng Thị A số tiền nợ là 80.000.000đ. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyen án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 02/11/2015, chị Ngô Thị B kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm số 17/2015/DSST ngày 23/10/2015, và công nhận chị đã thanh toán số tiền 80.000.000đ cho chị Hoàng Thị A thông qua Uỷ ban nhân dân xã D.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn:

- Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hoãn phiên toà để triệu tập ông Nguyễn Văn N, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã D; ông Nguyễn Văn H1, phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã D; ông Hoàng Trọng S, phó Công an xã D; ông Trần Văn T, phó Công an xã D; bà Hoàng Thị H2 (chị gái chị A) tham gia tố tụng tại phiên toà.

- Giấy vay tiền do chị B viết ngày 19/8/2008 không có giá trị, vì người cho vay là Hoàng Thị A số, và tại xã D không có thôn nào là thôn D, giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu của chị A ngày sinh khác nhau.

Ngày 26/12/2010, chị A có viết giấy xác nhận với nội dung: giấy vay tiền 80.000.000đ không có giá trị.

Biên bản thoả thuận ngày 05/12/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã D thể hiện gia đình bà Thuỷ cho chị B vay tổng cộng 135.000.000đ.

Tính đến tháng 8/2015 chị B đã trả 116 triệu, chỉ còn nợ 19 triệu, nhưng còn 03 giấy nợ gốc chị Thuỳ không xuất trình.

Toà án cấp sơ thẩm không thẩm định giấy vay tiền, giấy vay tiền có dấu hiệu gian dối, hợp đồng vay tiền vô hiệu, đề nghị chuyển một phần hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C xem xét hành vi lừa đảo.

Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm, và tuyên bị đơn đã trả cho nguyên đơn 116.000.000đ, chị B chỉ còn nợ 19.000.000đ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày, tranh luận của các đương sự, Luật sư và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm chị Ngô Thị B và Luật sư đề nghị Toà án triệu tập ông Nguyễn Văn N - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã D; ông Nguyễn Văn H1 - phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã D; ông Hoàng Trọng S - phó trưởng Công an xã D; ông Trần Văn T - phó Công an xã D; bà Hoàng Thị H2 (chị gái chị A) tham gia tố tụng tại phiên toà. Tuy nhiên, tại biên bản thoả thuận về thanh toán công nợ ngày 05/12/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã D thể hiện chỉ liên quan đến việc vay tiền giữa chị B và bà T1, chị H (chị H đại diện cho bà T1), không đề cập đến khoản tiền chị B vay của chị A. Những người này không biết việc vay tiền giữa chị B và chị A, do đó không cần phải triệu tập tham gia tố tụng tại phiên toà phúc thẩm.

[2] Chị Ngô Thị B thừa nhận: Giấy vay tiền ngày 19/8/2008 do chị viết, nhưng do bị chị em nhà chị A ép buộc nên chị mới phải viết, và do bị ép buộc nên chị đã cố tình viết chữ "Hoàng Thị A số" và "thôn D" trong giấy nhận nợ là có lý do. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm, chị B không có tài liệu chứng cứ chứng minh chị bị ép buộc khi viết giấy vay tiền ngày 19/8/2008. Vì vậy, chị B cho rằng bị ép buộc viết giấy vay tiền ngày 19/8/2008 là không có căn cứ.

[3] Chị B cho rằng số tiền 80.000.000đ là do cộng tổng các lần vay trước mà chị đã vay của gia đình chị A (gồm chị H, chị Thuỳ và bà Thuỷ là mẹ đẻ chị H và chị A), và số tiền này đã được chị thoả thuận với chị Thuỳ, chị H, bà T1, đồng thời chốt nợ tổng số tiền mà chị nợ gia đình chị A là 135.000.000đ vào ngày 05/12/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện C. Theo thoả thuận thì ngày 05/12/2015 chị đã trả cho chị H 20.000.000đ, số tiền còn lại trả 3.000.000đ/tháng. Đến tháng 8/2015, chị đã trả gần hết nợ cho chị Thuỳ, hiện nay chị chỉ còn nợ chị A 19.000.000đ. Tuy nhiên, nội dung biên bản thoả thuận việc thanh toán công nợ ngày 05/12/2012 có sự chứng kiến của chính quyền xã D, gồm ông Nguyễn Văn H1 - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, ông Trần Văn T - Phó Công an xã, và ông Hoàng Trọng S - Cán bộ Tư pháp xã. Theo đó, chị B còn nợ bà Thuỷ và chị H, tiền gốc 135.000.000đ, tiền lãi 82.875.000đ. Bà Thuỷ và chị H không lấy tiền gốc mà chỉ lấy lãi, trước mắt chị B trả 20.000.000đ, còn 115.000.000đ chia đều mỗi tháng trả 3.000.000đ. Tại biên bản thoả thuận này, chỉ có đề cập đến khoản nợ của chị B đối với chị H và bà T1, không đề cập đến số tiền chị B vay chị A (80.000.000đ). Và ngay tại Uỷ ban nhân dân xã D ngày 05/12/2012 chị B đã trả cho chị H 20.000.000đ. Và sau đó chị B trả cho chị H hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ. Chị H nhận tiền và không có ý kiến gì. Vì vậy, chị B cho rằng khoản tiền vay 80.000.000đ của chị A đã được thoả thuận ngày 05/12/2012 là không có căn cứ.

[4[Chị B có xuất trình giấy xác nhận đề ngày 26/12/2010, với nội dung chị Hoàng Thị A và Hoàng Thị H2 xác nhận chị B có ghi cho 01 tờ giấy vay tiền với số tiền là 80.000.000đ không có giá trị vì đã ghi sang tờ khác. Ngày 22/3/2016, chị B yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của chị Hoàng Thị H2 trong giấy xác nhận. Tại kết luận giám định số 2164/KLGĐ-PC54 ngày 25/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận chữ ký trong giấy xác nhận là do chị H viết. Ngày 07/12/2017, chị B yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của chị Hoàng Thị A trong giấy xác nhận ngày 26/12/2010. Tại kết luận giám định số 54/KLGĐ-PC54 ngày 05/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận chữ ký dạng chữ viết Thuỳ và chữ viết họ tên Hoàng Thuỳ trong giấy xác nhận ngày 26/12/2010 không phải do một người viết ra (không phải chữ ký, chữ viết của chị A). Do đó, chị B cho rằng chị ThAuỳ đã ký và viết vào giấy xác nhận ngày 26/12/2010 là không có căn cứ.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, lẽ ra Toà án cấp sơ thẩm phải đưa chị Hoàng Thị H2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, để làm rõ số tiền mà chị B đã trả cho chị H có liên quan đến khoản tiền 80.000.000đ chị B vay của chị A hay không. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm chị H có lời khai và khẳng định khoản tiền mà chị B đã trả cho chị không liên quan gì đến việc vay tiền giữa chị B và chị A - là em gái chị, vì vậy không cần phải huỷ án sơ thẩm để đưa chị H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cần rút kinh nghiệm đối với Toà án cấp sơ thẩm.

Từ những phân tích trên cơ sở các chứng cứ đã nêu trên, kháng cáo của chị B không có căn cứ nên không được chấp nhận, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá là có căn cứ.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471; khoản 1 Điều 474; khoản 1 Điều 477; Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005. Khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án; khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị B và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 23/10/2015 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hoá.

- Buộc chị Ngô Thị B phải trả cho chị Hoàng Thị A 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

- Án phí phúc thẩm: Chị Ngô Thị B phải chịu 200.000đ án phí DSPT, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/4907 ngày 03/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hoá (Chị B đã nộp đủ án phí DSPT).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án ND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Tòa án ND huyện C**;**
- Các đương sự;
- Chi cục THADS C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hùng

=